

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Ngày 31/12/2025	117,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.5%	22.1%	58.6%

DT thuần Q4/25	463	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 139 42.8%		
YoY: ▲ 47.0 11.2%		

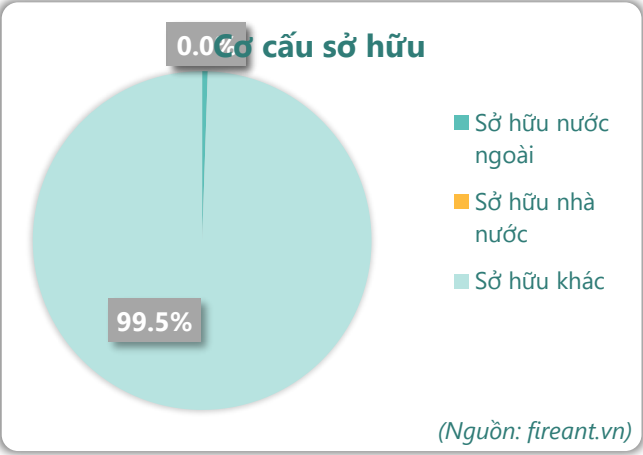
LN thuần Q4/25	36.9	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50 1.3%		
YoY: ▼18.4 -33.3%		

LN sau thuế Q4/25	40.1	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.5 40.0%		
YoY: ▼6.30 -13.7%		

Tỷ suất lãi EBIT 2025	14.7%
YoY: +/-▲ 2.2%	

ROE 2025	19.1%
YoY: +/-▲ 9.7%	

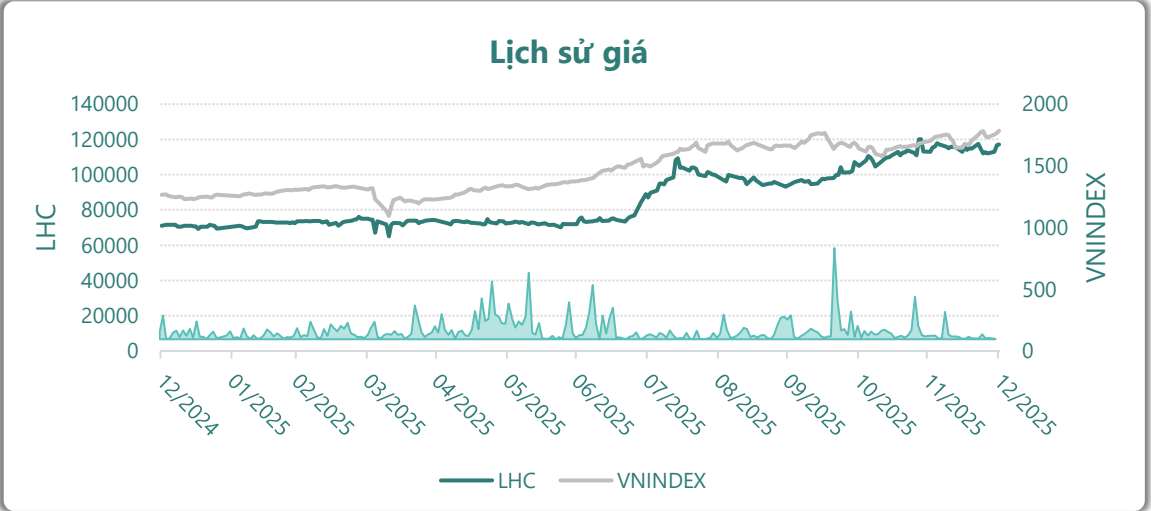
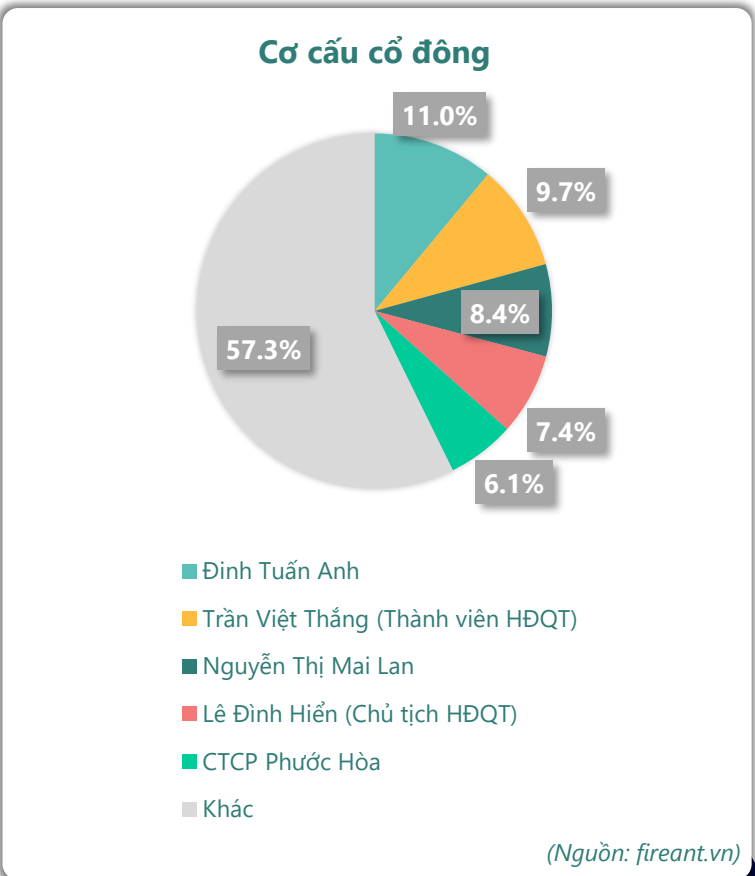
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	65,000 - 120,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,688
Số lượng CPLH (CP)	14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,140
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.50
EPS	10,423
P/E	11.2



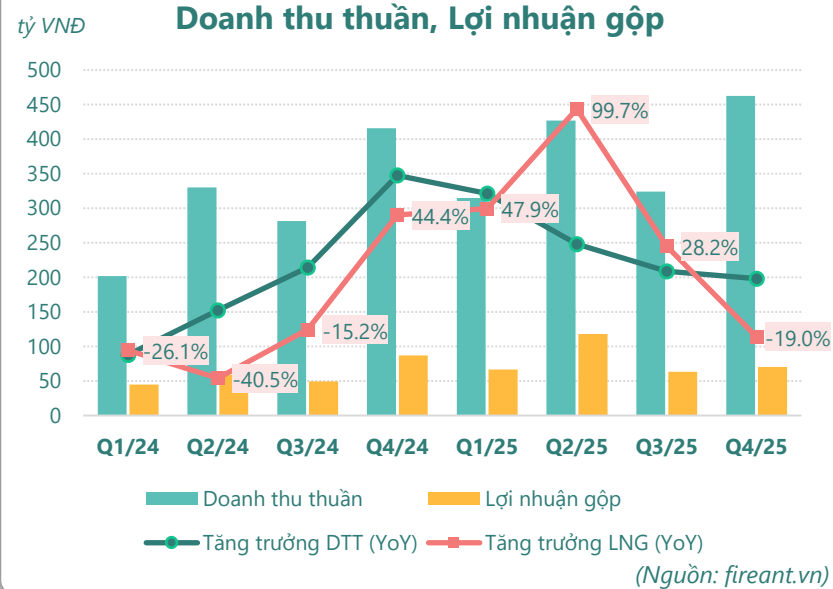
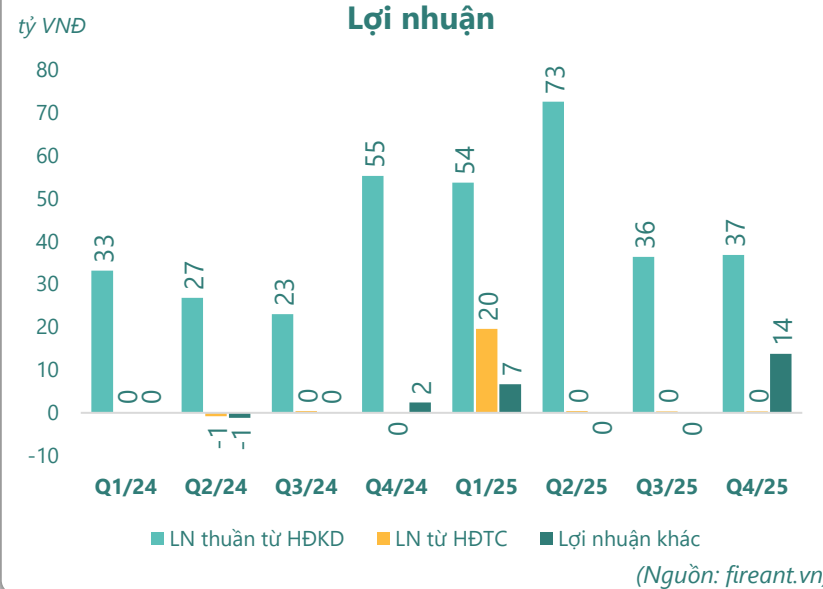
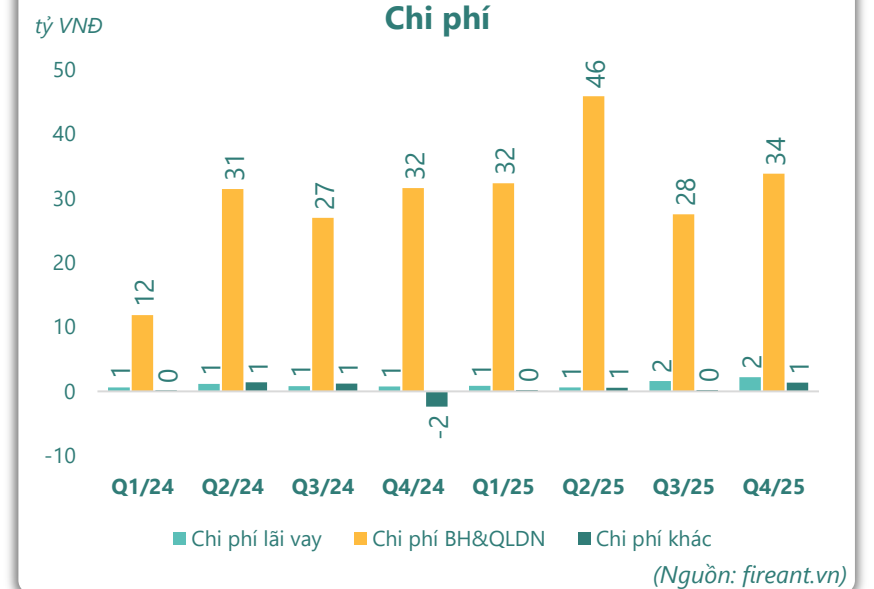
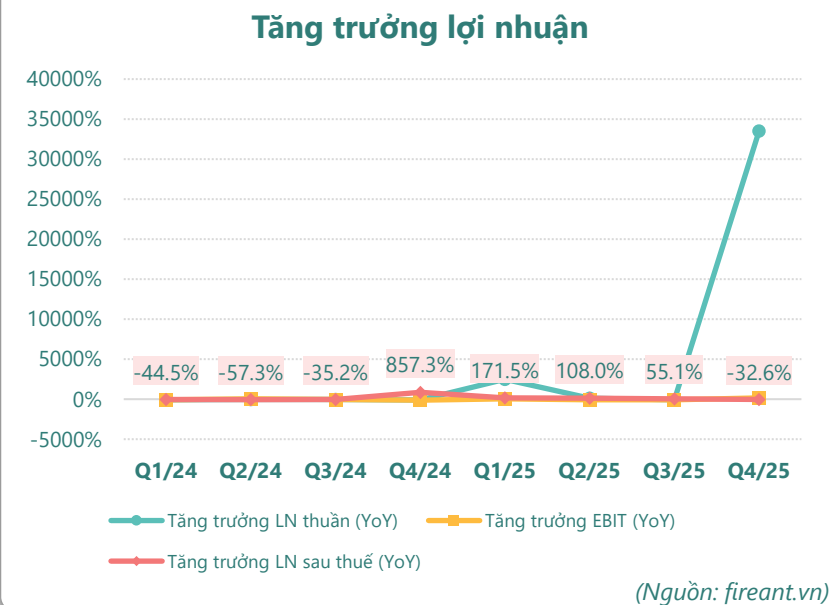
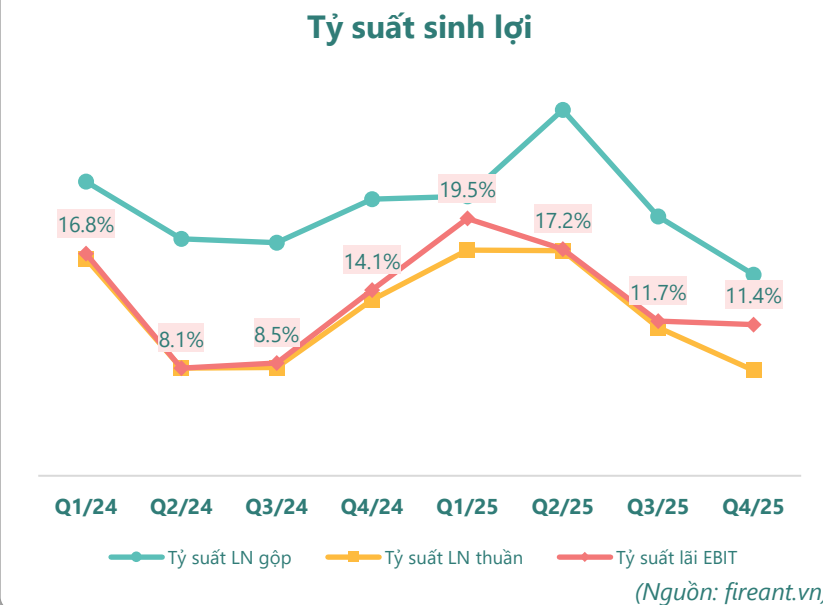
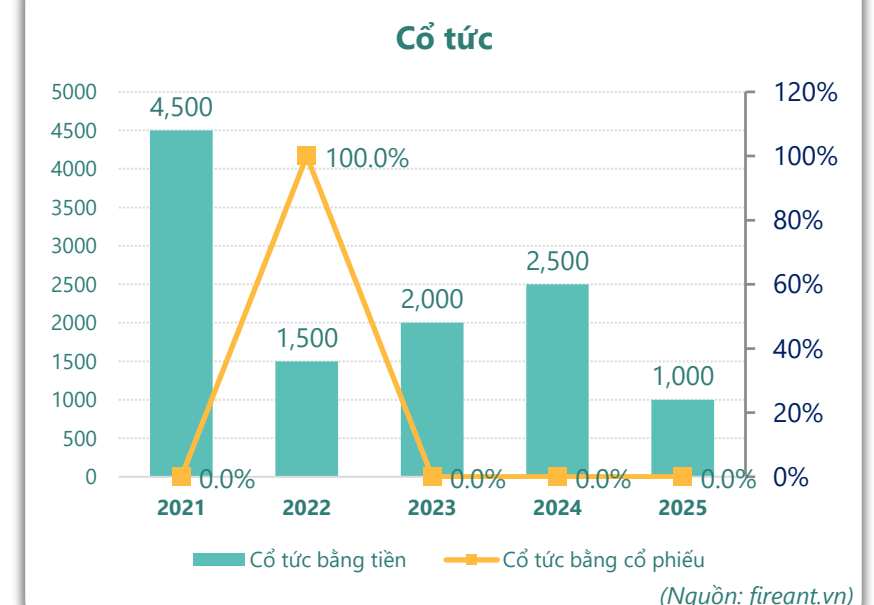
DT thuần 2025	1,528	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 323 26.8%		

LN thuần 2025	200	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0 64.0%		

LN sau thuế 2025	173	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 56.0 48.0%		



KẾT QUẢ KINH DOANH



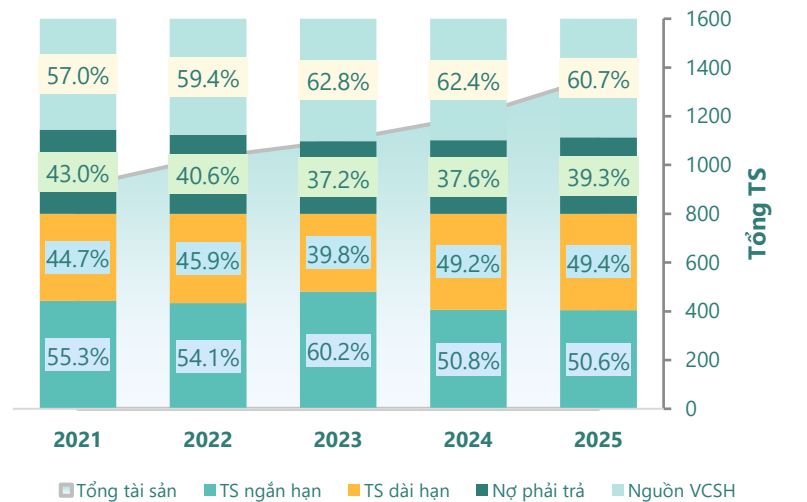


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

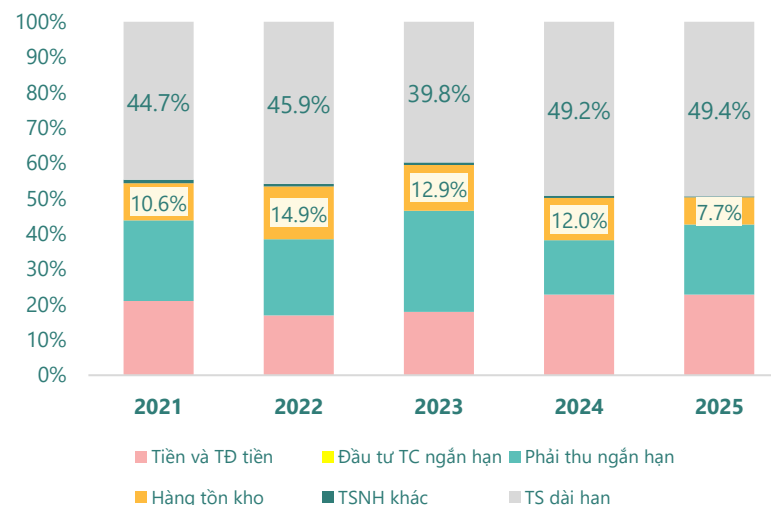
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

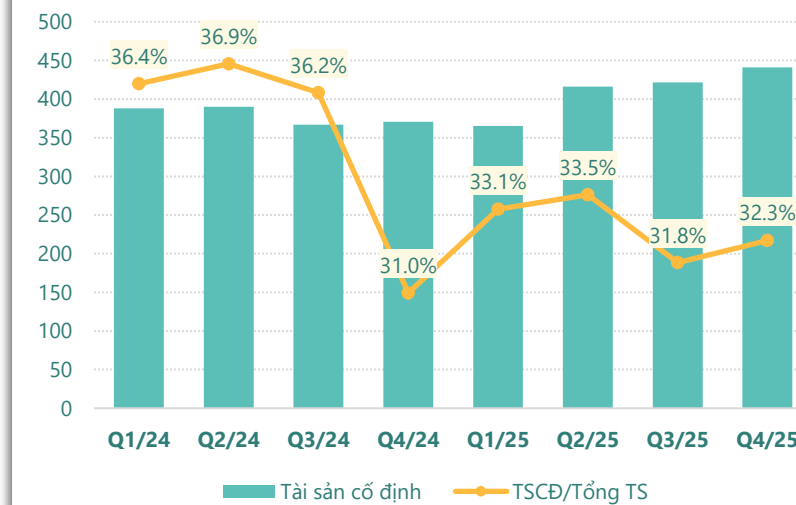
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

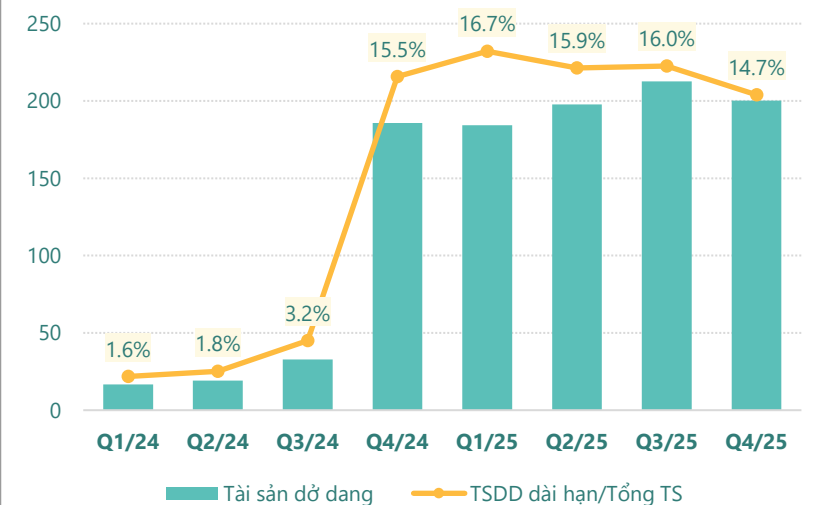
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

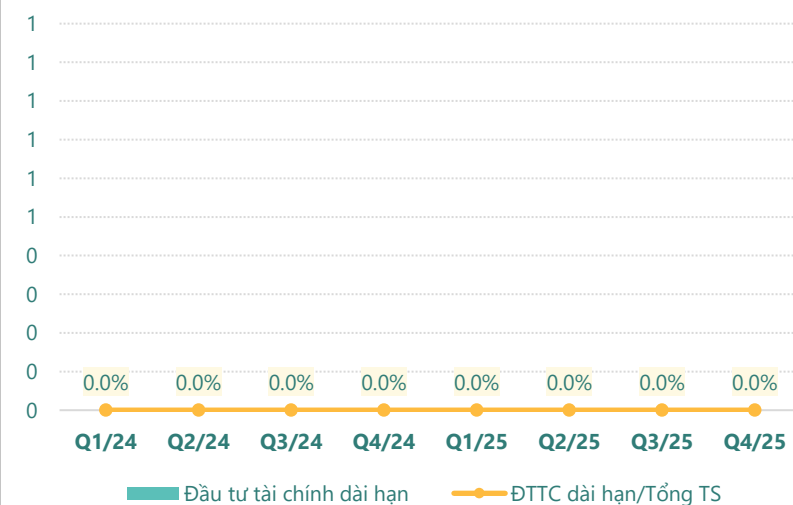
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

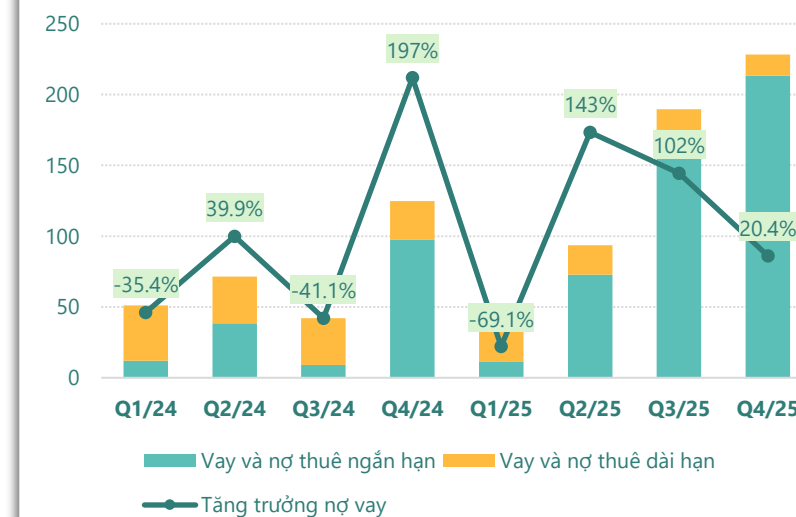
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

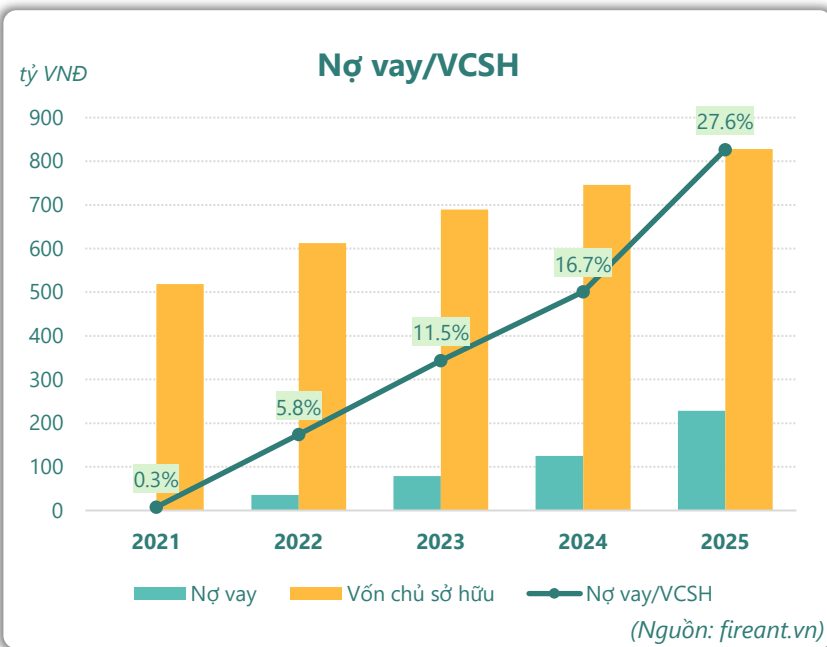
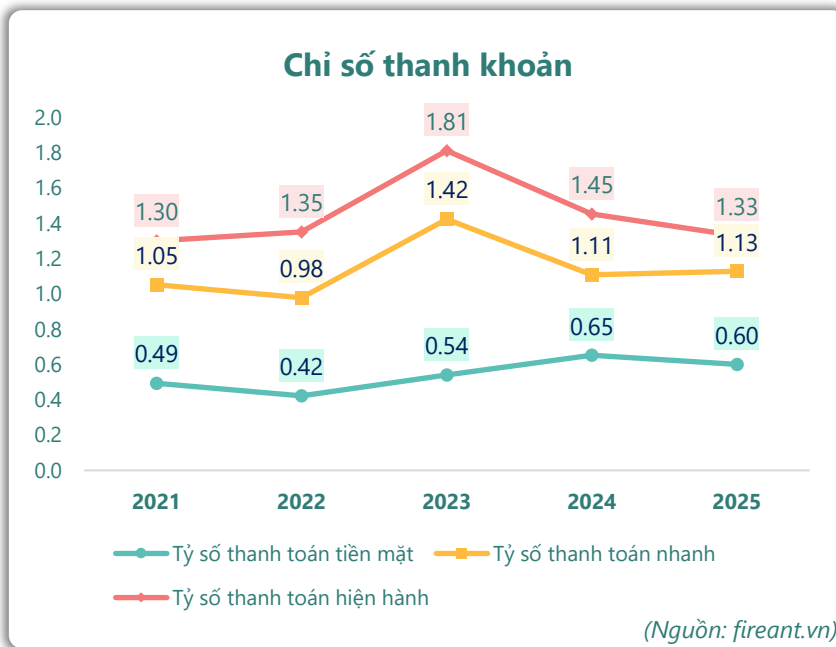
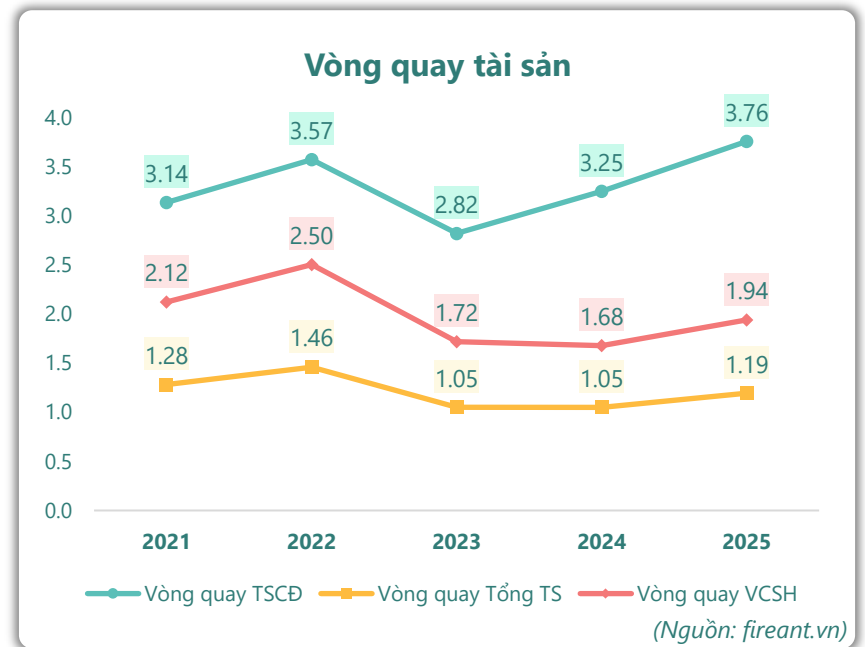
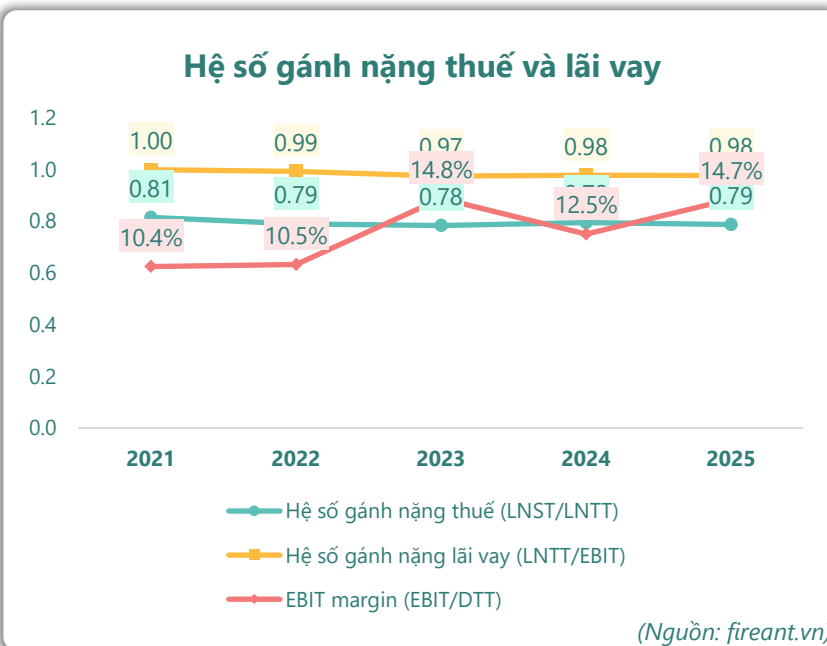
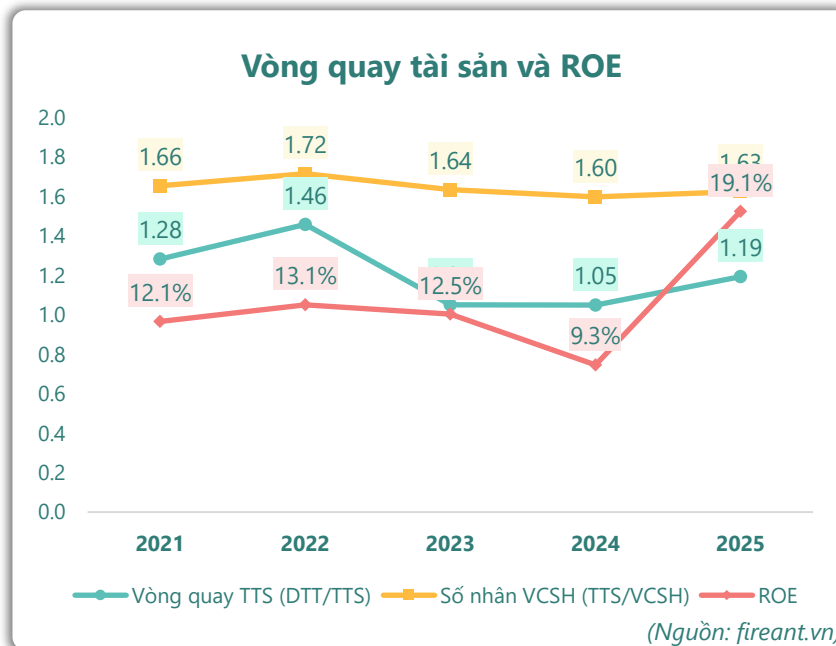
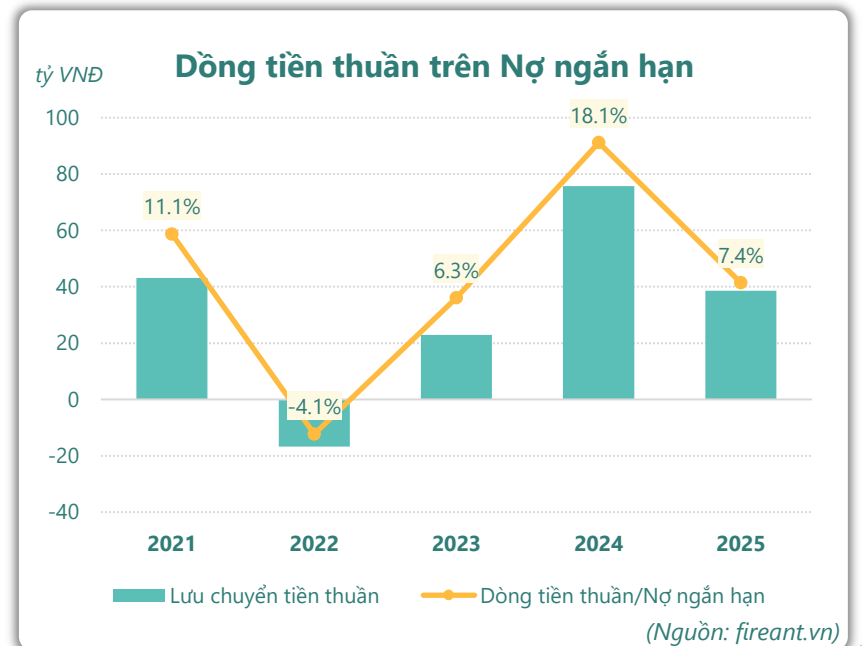
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	463	416	11.2%	1,528	1,205	26.8%
Giá vốn hàng bán	392	329	19.2%	1,210	982	23.1%
Lợi nhuận gộp	70.4	86.9	-19.0%	319	222	43.2%
Doanh thu HĐTC	2.61	0.76	243%	26.2	3.40	672%
Chi phí TC	2.25	0.79	185%	5.48	3.69	48.6%
Chi phí lãi vay	2.23	0.75	198%	5.30	3.39	56.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.85	0.95	-10.8%	4.81	4.95	-2.8%
Chi phí QLDN	33.0	30.7	7.6%	135	95.5	41.4%
LN thuần từ HĐKD	36.9	55.3	-33.3%	200	122	64.0%
Lợi nhuận khác	13.8	2.40	473%	20.3	25.5	-20.2%
LN trước thuế	50.6	57.7	-12.3%	220	147	49.4%
Lợi nhuận sau thuế	40.1	46.4	-13.7%	173	117	48.0%
LNST của CĐ cty mẹ	27.7	20.5	35.2%	150	67.0	124%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.7	181	-63.3	88.7	-0.48	56.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.2	-68.2	62.6	-82.3	-42.7	-30.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-50.2	68.6	-86.1	37.1	95.8	3.64
Tiền đầu kỳ	117	91.3	273	186	230	282
Lưu chuyển tiền thuần	-25.6	182	-86.8	43.5	52.7	29.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	91.3	273	186	230	282	312

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,363	1,197	13.9%
Tài sản ngắn hạn	690	608	13.6%
Tiền và tương đương tiền	312	273	14.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	269	184	46.7%
Hàng tồn kho	105	144	-27.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.49	7.01	-35.9%
Tài sản dài hạn	673	589	14.3%
Phải thu dài hạn	3.02	3.20	-5.8%
Tài sản cố định	441	372	18.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	200	185	8.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	28.9	29.1	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	535	450	18.8%
Nợ ngắn hạn	519	418	24.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	97.7	118%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.7	91.7	-38.2%
Nợ dài hạn	16.4	32.3	-49.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	27.0	-44.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	828	746	11.0%
Vốn chủ sở hữu	828	746	11.0%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

